TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1569/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Cảm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (số 26 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lạc T, sinh năm: 1968

Địa chỉ: 12 ấp 7, xã Đông T, huyện HM, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Ông Lâm V, sinh năm: 1959

Địa chỉ: 01 Harden St, Canleyheights, N.S.W 2166, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06.3.2017 và trong quá trình tố tụng, bà Lạc Hà Yến T - nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Lâm V sống chung sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2792, quyển số 15 ngày 30.8.2002).

Sau khi kết hôn, ông V về Úc sinh sống và làm việc nên ông bà liên lạc với nhau qua điện thoại. Vài năm sau do sống xa cách, tình cảm vợ chồng không

còn như lúc đầu nên quan hệ hôn nhân của ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa.

Bà Lạc T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Lâm V để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định để thông báo về việc thụ lý, thời gian mở phiên họp hòa giải, xét xử để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Lâm V không có mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lạc T và ông Lâm V là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại huyện H M, Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Australia nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, ngày 26.6.2017 Tòa án đã gửi Văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, thời gian hòa giải, xét xử cho bị đơn ông Lâm V theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa bị đơn không có mặt, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn, không nhận được văn bản thông báo kết quả Ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền nên phải hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 30/8/2018, Tòa án nhân dân Thành phố H gửi công văn đề nghị Bộ tư pháp thông báo về kết quả Ủy thác tư pháp tuy nhiên đã đến ngày mở lại phiên tòa, Tòa án vẫn không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11.4.2018, nguyên đơn bà Lạc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp

lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 2792, quyển số 15 ngày 30.8.2002 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lạc T và ông Lâm V là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng chỉ sống chung với nhau trong thời gian ngắn, mỗi người lại sống ở một nước, khác biệt về văn hóa và quan điểm sống nên vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ dẫn đến mâu thuẫn không thể giải quyết, hiện tại bà Lạc T và ông Lâm V không còn liên lạc với nhau nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V để ổn định cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo cho bị đơn biết yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và thời gian,địa điểm đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng không nhận được văn bản trình bày ý kiến; điều này cho thấy ông Lâm V không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà T, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Lâm Hoàng V và bà Lạc T đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà T có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lạc T phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 152, Điều 153 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lạc T

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Lạc T được ly hôn với ông Lâm V.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Lạc T chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2016/0033847 ngày 28.3.2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà T không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp do bà Lạc T đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai số AA/2017/0047163 ngày 27.7.2017 và 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai số AA/2017/0049535 ngày 25.10.2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H sẽ có quyết định giải quyết khi có thông báo của Cơ quan có thẩm quyền thực hiện ủy thác tư pháp.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Lạc T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Lâm V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPH;
- VKSND cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;
- Cục THADS TPH;
- UBND TPH;
- Sở Tư pháp TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan